

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2024

V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Phía

2. Bà Vi Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Chứ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Viết Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2024 về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lý A M**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản Suối Phái, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Hồ Thị G**, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT: Bản Suối Phái, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Bản Cấn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Lý A M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hồ Thị G tự do tìm hiểu, yêu đương và tự nguyện đến sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009, được gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Khi về chung sống, hai người sống tại bản Suối Phái,

xã Tam Chung, huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa, cuộc sống của hai người hòa thuận, đầm ấm. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, cuộc sống không hạnh phúc, sau đó chị Hồ Thị G đã về bản Cân, xã Tam Chung, huyện Mường Lát sinh sống. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và không ai quan tâm đến ai nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng.

Nay xét thấy tình cảm không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Hồ Thị G.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị Hồ Thị G có 01 con chung là Lý Thị X, sinh ngày 17/6/2015, hiện cháu đang ở với anh.

Để đảm bảo việc học hành, ổn định tâm lý và môi trường sống ổn định của cháu, anh Lý A M yêu cầu Tòa án giao cháu Lý Thị X, sinh ngày 17/6/2015 cho anh là trực tiếp nuôi dưỡng, vì đây cũng là nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Hồ Thị G trình bày:

Về Hôn nhân: Bản thân chị đồng ý với ý kiến của anh Lý A M, Chị và anh Lý A M về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009 và cho đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, từ khi hai người đến với nhau thì chung sống với nhau tại bản Suối Phái, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, nhưng đến năm 2022 thì hai người hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến, nên chị đã chuyển đến sống tại bản Cân, xã Tam Chung, huyện Mường Lát. Chị biết việc anh Lý A M nộp đơn lên Tòa án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Nay chị xét thấy cũng không còn tình cảm với anh Lý A M, nên đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Lý A M là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống, hai người có 01 con chung là cháu Lý Thị X, sinh ngày 17/6/2015, hiện cháu đang ở với anh Lý A M, cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố thì chị cũng để cho cháu ở với bố. Về cấp dưỡng, anh Lý A M không yêu cầu thì chị đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Lý Thị X đã có bản nguyện vọng muốn được ở với bố.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đã tham gia đầy đủ các bước tố tụng, nên các đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Anh Lý A M và chị Hồ Thị G đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Lý Thị X, sinh ngày 16/7/2015, hiện tại cháu đang ở với bố, cháu phát triển bình thường về thể chất, trí lực. Anh M và chị Giông đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất giao cháu Lý Thị X cho anh Lý A M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận là chị Hồ Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên chấp nhận đề nghị này.

Về án phí: Miễn án phí cho đương sự.

Đề nghị áp dụng:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN&GD năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Lý A M và chị Hồ Thị G là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lý Thị X, sinh ngày 16/7/2015 cho anh Lý A M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hồ Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh M không yêu cầu.

Về án phí và kháng cáo: Miễn án phí sơ thẩm cho các đương sự, vì các đương sự là người dân tộc thiểu số (H'Mông" thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, chị Hồ Thị G đang có hộ khẩu thường trú tại: Bản Cân, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, chị Giông chưa chuyển khẩu hay tạm trú, tạm vắng ở nơi khác.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như

vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh Lý A M là nguyên đơn; chị Hồ Thị G là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ghi lời khai; xác minh; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án;

[4] Về hôn nhân: Anh Lý A M và chị Hồ Thị G sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009. Mặc dù, theo quy định của pháp luật thì anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, nhưng thực tế từ trước đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Như vậy, anh Lý A M và chị Hồ Thị G không tuân thủ luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về Hôn nhân và Gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa anh Lý A M và chị Hồ Thị G thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc anh Lý A M và chị Hồ Thị G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.*

Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.*

Vì vậy, anh Lý A M và chị Hồ Thị G phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn như sau: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”* Đối chiếu với những quy định nêu trên, việc anh Lý A M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với chị Hồ Thị G là có căn cứ nên chấp nhận.

Khoản 2 Điều 53 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX không công nhận anh Lý A M và chị Hồ Thị G là vợ chồng. Nên, Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lý A M và chị Hồ Thị G và được giải quyết bằng bản án.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh Lý A M và chị Hồ Thị G có 01 con chung là cháu Lý Thị X, sinh ngày 17/6/2015. Tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2024 các đương sự tự nguyện thống nhất giao cháu Lý Thị X cho anh Lý A M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Hồ Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên, Tòa án công nhận sự thỏa thuận trên, nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét

[7] Về án phí: Các đương là người dân tộc thiểu số (H” Mông) thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 Điều 210, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật dân sự;

Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58 Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lý A M.

1.1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lý A M và chị Hồ Thị G.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lý Thị X, sinh ngày 17/6/2015 cho anh Lý A M là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Hồ Thị G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hồ Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Hồ Thị G có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật; Anh Lý A M đều có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho anh Lý A M.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, vắng mặt đương sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, H. Mường Lát;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

